TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HS-ST
Ngày: 08/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Thuỳ

2. Bà Nông Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-HS ngày 25/7/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T; Giới tính: nữ; Tên gọi khác: không có;

Sinh ngày: 05/8/1983 tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ;

Hộ khẩu thường trú: P, L, Y, Phú Thọ;

Chỗ ở hiện nay: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Dân tộc: mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hóa: 09/12;

Họ và tên cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1937, hiện đang làm ruộng và cư trú tại T, C, Phú Thọ;

Họ và tên mẹ: Hà Thị S, sinh năm 1952, hiện đang làm ruộng và cư trú tại P, L, Y, Phú Thọ;

Anh, chị, em ruột: có 03 chị, em, bị cáo là con cả trong gia đình;

Chồng: Trần Văn H, sinh năm 1982, trú tại P, L, Y, Phú Thọ (đã ly hôn năm 2017);

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền sự: không;

Tiền sự: không;

Trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh, kể từ ngày 13/5/2019 đến ngày 15/7/2019; có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H

Trú tại: K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Nguyễn Thị T

Trú tại: Khu H, T, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

3. Ngô Duy N

Trú tại: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

4. Vũ H

Trú tại: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

5. Hà Văn T

Trú tại: tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu tìm gái bán dâm để mua dâm nên khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 4 năm 2019, Ngô Duy N và Vũ H sau khi hát Karaoke tại quán Karaoke 6T (thuộc tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng do bị cáo Nguyễn Thị T làm chủ) đã đặt vấn đề nhờ T tìm giúp cho hai gái bán dâm để đi quan hệ tình dục. Bị cáo đồng ý nên đã đi sang các quán hát ở bên cạnh để tìm gái bán dâm cho khách, nhưng không được ai. Sau đó quay lại quán để dọn dẹp phòng, lúc đó có Nguyễn Thị T (sinh năm 1990, trú tại Khu H, T, N, Y, Phú Thọ) đi đến quán của bị cáo. Khi Nguyễn Thị T vừa đến bị cáo đã chỉ tay về phía Ngô Duy N và nói "em ơi có khách đi chơi đấy", đồng thời quay sang nói với N "đây có em này đi chơi".

Sau đó Ngyễn Thị T hiểu ý của bị cáo và đã tự nói chuyện, thỏa thuận với N về việc mua bán dâm, theo đó số tiền một lần mua bán dâm là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Lúc N và T vừa thỏa thuận xong thì Nguyễn Thị H (sinh năm 1983, trú tại K, T, S, Tuyên Quang) đang ngồi ở trong quán Karaoke L nghe thấy tiếng của ai đó nói "có khách tìm đi chơi, bên này có ai thì sang bên kia" nên đã tự đi sang quán Karaoke 6T đến chỗ T, N, H đang đứng và hỏi về việc mua bán dâm thì được N, H trả lời "ừ", T nói xen vào "đi chơi 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng)". Sau đó H và H tự thỏa thuận với nhau về việc mua bán dâm với nội dung tương tự như T và N đã thỏa thuận. Thỏa thuận xong T, H, H, N cùng nhau thuê xe taxi đi đến Khách sạn Q thuộc tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để thực hiện hành vi mua bán dâm. Số tiền có được từ hoạt động bán dâm H và T tự hưởng hết mà không chia lại cho T. Khi đến

Khách sạn N thuê phòng 303 để mua dâm T, H thuê phòng 301 để mua dâm H. Khoảng 22 giờ 00 cùng ngày khi N, T, H, H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng kiểm tra phát hiện, bắt quả tang và lập biên bản đưa về trụ sở để làm việc.

Hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thị T đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 69/CT- VKSNDTP ngày 10/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố: hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm".

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố.

Các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng của vụ án gồm có: 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh chưa qua sử dụng; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu ZERO-O2 đã qua sử dụng; số tiền 1.400.000 đồng. Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/7/2019.

Ông Hà Văn T là chủ nhà nghỉ Q, qua quá trình điều tra cho thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T, có giấy đăng ký kinh doanh đúng quy định nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua bán dâm tại cơ sở do mình quản lý nên đã bị xử phạt hành chính. Đồng thời, Công an thành phố Cao Bằng đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Ngô Duy N, Vũ H.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Môi giới mại dâm"; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 09 - 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18-24 tháng. Về xử lý vật chứng: tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.400.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh đã qua sử dụng, 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh chưa qua sử dụng, 01 (một) bao cao su nhãn hiệu ZERO-O2 đã qua sử dụng.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được và hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan: bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi dẫn dắt với vai trò làm trung gian để cho Nguyễn Thị T và Ngô Duy N thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Khi bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi dẫn dắt người bán dâm cho người mua dâm thành công thì đã thỏa mãn về mặt khách quan của hành vi phạm tội.

Về mặt chủ quan: bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo biết rõ việc dẫn dắt người mua dâm và người bán dâm để họ thực hiện việc mua bán dâm. Động cơ, mục đích của bị cáo là do tư lợi cá nhân; tuy trong vụ án này bị cáo chưa có thỏa thuận chia tiền hoa hồng với T nhưng bị cáo môi giới T cho N là để lôi kéo N đến hát tại quán nhiều hơn, lợi nhuận hiện tại bị cáo chưa nhận được nhưng có thể xác định là khoản lợi nhuận trong tương lai có được từ việc dẫn dắt việc mua bán dâm.

Về mặt khách thể: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hóa, trật tự trị an xã hội.

Về mặt chủ thể: căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Thị T đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm". Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng dân dân, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục của xã hội, hành vi của bị cáo đáng bị lên án và phải bị xử lý thích đáng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo Nguyễn Thị T theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 328 - Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

"1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2…"

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền

sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có khả năng tự cải tạo; căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 triệu đồng đến 50.000.000 triệu đồng";* Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung với số tiền 10.000.000 đồng đối với bị cáo.

Cơ quan công an đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Ngô Duy N, Vũ H có hành vi mua dâm và Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H có hành vi bán dâm, Hà Đức T không biết N, H, T, H thuê phòng nghỉ để thực hiện mua bán dâm nên những hành vi trên bị xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng:

+ 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh đã qua sử dụng.

+ 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh chưa qua sử dụng.

+ 01 (một) bao cao su nhãn hiệu ZERO-O2 đã qua sử dụng.

- Đối với số tiền 1.400.000 đồng bị thu giữ: trong đó có 700.000 đồng là tiền Ngô Duy N mua dâm với Nguyễn Thị T và 700.000 đồng là tiền Vũ H mua dâm với Nguyễn Thị H, xét thấy hành vi mua bán dâm là vi phạm pháp luật được quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình; do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước đối với những khoản tiền này.

Các vật chứng trên đã được niêm phong trong phong bì và hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/7/2019.

[5]. Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội *"Môi giới mại dâm"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

-Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng:

+ 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh đã qua sử dụng.

+ 01 (một) bao cao su nhãn hiệu HAULTRA THIN màu xanh chưa qua sử dụng.

+ 01 (một) bao cao su nhãn hiệu ZERO-O2 đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Các vật chứng trên đã được niêm phong trong phong bì và hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/7/2019.

3. Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Na